

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình hành động số 35-CTr/TU
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW của
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao
chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng
và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP); Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 10/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (gọi tắt là Chương trình hành động số 35-CTr/TU) thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm thống nhất trong chỉ đạo quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 35-CTr/TU.

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 35-CTr/TU; xác định rõ nội dung, nhiệm vụ chủ yếu, các chỉ tiêu cụ thể, tiến độ hoàn thành, phân công trách nhiệm triển khai đến năm 2030 để tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

Làm cơ sở để các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 35-CTr/TU.

2. Yêu cầu

Quán triệt sâu sắc mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình hành động số 35-CTr/TU để thể chế hoá, cụ thể hoá thành các văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các đề án chuyên ngành.

Trên cơ sở Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 35-CTr/TU, các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để chỉ đạo triển khai thực hiện.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và Nhân dân, nhất là người đứng

đầu. Khẳng định quyết tâm thực hiện chính sách xã hội; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến; chấn chỉnh những nơi chưa thực hiện tốt.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tiệm cận với tiêu chuẩn của cả nước và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; đổi mới phương thức quản lý, điều hành, phối hợp; tăng cường phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội và nâng cao vai trò giám sát của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Thực hiện lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện chính sách xã hội. Xây dựng, triển khai bộ chỉ tiêu giám sát đánh giá, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành theo lĩnh vực đã phân công.

Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực chính sách xã hội sâu rộng và toàn diện, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Tiếp tục thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hóa và hợp tác công tư.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công với cách mạng, nhất là người có công với cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, người gặp khó khăn trong cuộc sống. Hoàn thiện thể chế, chính sách, điều chỉnh nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo hướng là mức cao nhất trong các chính sách xã hội, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; ưu tiên chăm sóc sức khỏe,

hỗ trợ nhà ở, giáo dục, đào tạo, việc làm, vay vốn, phát triển sản xuất và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người có công và thân nhân. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội thực hiện các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, phát huy truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, tích cực xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ.

Hoàn thành cơ bản việc giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công, nhất là công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về người có công.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và phát triển theo hướng bền vững; nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng; khẩn trương xây dựng và hoàn thiện khung chính sách thích ứng với quá trình già hoá dân số.

Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, chú trọng trang bị các kỹ năng mềm, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời.

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 116-KH/TU ngày 02/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến 2045. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 09/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng công tác cán bộ, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp; trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ.

Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại kỹ năng nghề phù hợp cho lực lượng lao động, ưu tiên tập trung các ngành nghề và kỹ năng mới, nghề trọng điểm quốc gia và của tỉnh; áp dụng tiêu chuẩn đào tạo theo chuẩn khu vực và quốc tế. Đẩy mạnh thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh, thiếu niên ngay từ bậc học phổ thông; thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học các trình độ

giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa chủ thể tham gia đào tạo; sớm ban hành quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới, như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn...; xây dựng cơ chế, chính sách đột phá và đầu tư nguồn lực để phát triển các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp ngang tầm các nước tiên tiến, có đủ năng lực, điều kiện để giữ vai trò nòng cốt trong đào tạo nhân lực; phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ thuật, đội ngũ nhân lực quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp; đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng và thu hút nhân tài. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội cho đội ngũ tri thức.

b) Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiện đại, hiệu quả và bền vững

Khẩn trương hoàn thiện cơ chế, tạo sự gắn kết giữa các chính sách việc làm và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; vận hành sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động, như: tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững nhằm giải phóng sức sản xuất, nâng cao tay nghề, thu nhập và bảo đảm an toàn tại nơi làm việc cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số. Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn. Thúc đẩy thực hiện chính sách việc làm công, nhất là trong điều kiện nền kinh tế gặp khó khăn, người lao động mất việc làm, thiếu việc làm.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

a) Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 15/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 13/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động; thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu sửa đổi chính sách bảo hiểm xã hội một lần phù hợp với thực tiễn, gắn với an sinh xã hội.

Đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện; tăng cường hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức.

Đổi mới hoạt động bảo hiểm thất nghiệp theo hướng chú trọng đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động bị thất nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo kỹ năng, duy trì việc làm cho người lao động để chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp.

Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế; nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, chất lượng khám chữa bệnh và khả năng tài chính của người dân hưởng bảo hiểm y tế.

Hoàn thiện cơ chế quản lý, đầu tư phát triển quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế an toàn, hiệu quả, bền vững. Xử lý nghiêm tình trạng nợ, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Ban hành chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia.

b) Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác.

Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, an sinh xã hội quốc gia. rà soát, hoàn thiện chính sách ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Mở rộng chính sách hỗ trợ hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi.

Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị bạo lực gia đình và người bị bạo lực trên cơ sở giới; xây dựng đội ngũ làm công tác xã hội chuyên nghiệp; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững; kết nối, đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp pháp lý trong các chương trình, chính sách về an sinh xã hội.

Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

c) Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần

và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2023; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 13/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; 03 chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nghiên cứu, triển khai cơ chế thí điểm phân cấp thực hiện trọn gói các chương trình mục tiêu quốc gia cho cấp huyện. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

a) Về giáo dục

Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Phát triển các mô hình giáo dục tiên tiến, hội nhập; khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới như: trường học số, trường học thông minh...

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo. Tăng cường đầu tư để duy trì và nâng cao kết quả xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia các cấp học. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, bãi ngang, ven biển, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa giáo dục, đào tạo, tiếp tục sửa đổi, bổ sung chính sách để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho giáo dục.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên.

b) Về y tế

Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo đủ nhân lực, nguồn ngân sách và cơ chế tài chính phù hợp cho y tế cơ sở, y tế dự phòng trong đó chú trọng đầu tư trạm y tế xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Phát triển và đổi mới hệ thống y tế đảm bảo công bằng, hiệu quả, chất lượng, bền vững, có khả năng chống chịu với các tình huống khẩn cấp và hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, trạm y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; thực hiện kiểm tra sức khỏe cho người có nguy cơ cao mắc bệnh, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân; phát triển mạng lưới dịch vụ phục hồi chức năng.

Thực hiện chính sách về dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam, đặc biệt là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới; đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm cho mọi người dân. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tiếp tục phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng; triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của y tế dự phòng đảm bảo năng lực phản ứng nhanh trước các rủi ro dịch bệnh. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả và không chế dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế.

c) Về phát triển văn hóa

Về phát triển văn hóa: Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt là nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nơi tập trung đông người lao động...

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 29/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kế hoạch số 165-KH/TU ngày 06/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 06/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân.

d) Về thông tin

Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng; hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số và bảo vệ người dân, các nhóm yếu thế, nhất là trẻ em an toàn trên môi trường mạng. Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số. Thiết lập các cụm thông tin điện tử, dịch vụ thông tin công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới.

đ) Về nhà ở

Nêu cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, hệ thống chính trị trong thực hiện chủ trương của Đảng và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 và Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2030, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa Nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh

tế - xã hội và thu nhập. Triển khai thực hiện thắng lợi phong trào thi đua “Xóa nhà tạm, nhà dột nát”.

Khẩn trương hoàn thiện chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội cho các đối tượng theo Luật định và nhà lưu trú cho công nhân, người lao động.

Xây dựng, triển khai có hiệu quả chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội, xóa nhà tạm, nhà dột nát.

e) Về nước sạch, vệ sinh môi trường

Tiếp tục xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án về bảo đảm nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bãi ngang, ven biển, vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước. Xây dựng chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác. Hoàn thiện chính sách về nước sạch đồng bộ, thống nhất, liên ngành, liên vùng và bảo đảm an ninh nguồn nước.

Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư, nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát, ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường; ưu tiên phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân; ưu tiên giải quyết triệt để ô nhiễm môi trường tại các khu đô thị lớn, làng nghề, lưu vực sông.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở dịch vụ xã hội. Xây dựng hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em. Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hoá, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tổ chức nội luật hoá, thực hiện và giám sát triển khai các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương, các công ước, điều ước và khuyến nghị quốc

tế về lao động, việc làm và an sinh xã hội. Chủ động tích cực tham gia các diễn đàn hợp tác song phương, đa phương, thúc đẩy sáng kiến hợp tác hỗ trợ phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên giao khoa học - công nghệ trong tất cả các lĩnh vực chính sách xã hội; tích cực lồng ghép các nội dung thúc đẩy hợp tác quốc tế về chính sách xã hội trong chuyến thăm cấp cao và các cấp. Tăng cường thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tri thức của quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong triển khai các chính sách xã hội.

9. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Nâng cao chất lượng, tăng cường công tác giám sát, phản biện, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về chính sách xã hội của các cơ quan dân cử; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong thực hiện chính sách xã hội.

Hội đồng nhân dân các cấp tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về chính sách xã hội. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 35-CTr/TU.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan trong công tác tuyên truyền các chủ trương, định hướng tổng thể về chính sách xã hội và từng lĩnh vực.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 35-CTr/TU; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của cơ quan, đơn vị mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; ưu tiên bố trí nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện; chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện của cơ quan, đơn vị mình.

u

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện, hoàn thành trước ngày 25/7/2024.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 05/12 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.


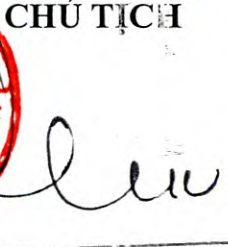
đ) Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 35-CTr/TU vào các năm 2025 và năm 2030 theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện, giám sát, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Chương trình hành động số 35-CTr/TU ngày 10/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

KT. CHỦ TỊCH 
 PHÓ CHỦ TỊCH 

Hoàng Xuân Tân